TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/HNGĐ-ST. Ngày 30-12-2020 *V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Thát
2. Ông Trương Văn Bình

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Bích N, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 5 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

2- Bị đơn: Anh Bùi Văn G, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Chu Thị Bích N trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn G vào ngày 17/9/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở tại xã A, huyện H và cùng làm ruộng. Năm 2016 chị đi làm công nhân Công ty ở Thái Nguyên còn anh G đi làm ở tỉnh Cao Bằng nhưng không có thu nhập nên đã về nhà và thường tụ tập chơi bời. Từ năm 2017 cho đến tháng 7/2019 anh G không chịu khó làm ăn để có thu nhập, không làm tròn trách nhiệm của người trụ cột trong gia đình mà tiếp tục chơi bời dẫn đến nợ nần. Chị đã nhẫn nhịn, cố gắng bỏ qua và khuyên nhủ nhưng anh G cũng không thay đổi. Từ tháng

7/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh G.

Về con chung: Xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 08/01/2014, hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh G không có mặt làm việc. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Bùi Văn G cho biết: Anh G, chị N kết hôn năm 2013, sau kết hôn vợ chồng ở giêng trên thửa đất của bố mẹ chị N và cùng làm ruộng. Trong thời gian chung sống bà không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì lớn chỉ là những bất đồng trong quan điểm sống. Nguyên nhân do chị N muốn đi làm xa nhưng anh G không đồng ý. Hơn nữa do vợ chồng không có công việc nhất định, thu nhập không ổn định nên phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị N đã về ở với bố đẻ, còn anh G cũng đi làm ăn. Nay chị N xin ly hôn với anh G, quan điểm của gia đình không mong muốn điều đó xảy ra. Tuy nhiên, anh chị đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống của mình. Chị N kiên quyết giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà nhận thay anh G các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh G được biết. Hiện anh G đang đi làm ăn xa không có điều kiện đến Tòa án để giải quyết. Quan điểm của anh G đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị N.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị N được ly hôn anh G. Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 08/01/2014 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Chị N, anh G đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

Về án phí LHST: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị N có mặt, anh G vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Anh G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh G kết hôn ngày 17/9/2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Phú Thọ đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng ở giêng trên thửa đất của gia đình chị N và cùng làm ruộng. Theo chị N trình bày thì trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh G không chịu khó làm ăn để có thu nhập, không làm tròn trách nhiệm của người cha, người chồng mà còn thường tụ tập chơi bời dẫn đến nợ nần. Từ năm 2017 cho đến năm 2019 chị đã cố gắng bỏ qua để vợ chồng được hòa thuận và để anh G có thời gian sửa đổi nhưng anh G không thay đổi. Đến tháng 7/2019 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị cùng con nhỏ đã về ở với bố đẻ và vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin được ly hôn anh G để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án anh G đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, đại diện UBND xã A xác định vợ chồng chị N, anh G do có mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2017,2018 chị N cũng đã gửi đơn xin ly hôn với anh G. Hiện anh chị không chung sống cùng nhau. Chị N về ở với bố đẻ, còn anh G đi làm ăn thỉnh thoảng về thăm nhà. Đề nghị Tòa án căn cứ thực tế tình trạng của vợ chồng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và trẻ em. Đại diện gia đình, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh G xác định vợ chồng chị N, anh G không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên cũng xuất phát từ việc kinh tế không có, bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn. Bà xác định chị N và cháu nhỏ đã về ở với bố đẻ từ tháng 7/2019. Chị N xin ly hôn, gia đình không mong muốn. Tòa án tổ chức các phiên họp và hòa giải anh G đều được biết nhưng không có mặt. Thông qua đại diện gia đình, anh G đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị N. Điều đó chứng tỏ giữa hai vợ chồng cũng đã có những mâu thuẫn không thể hòa giải. Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh G là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không thể kéo dài đời sống chung như hiện nay khi

mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và cần xử cho chị được ly hôn anh G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định chị N, anh G có một con chung là cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 08/01/2014, hiện cháu đang ở với chị N. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng bởi lẽ hiên cháu đang có cuộc sống ổn định với mẹ và ông ngoại. Mặt khác anh G không có mặt tại phiên tòa, do vậy cần giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị N. Các bên đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[5] Về án phí LHST: Chị N phải chịu 300.000đ (Xác nhận đã nộp)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 56 điều 57, 81,82,83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Bích N được ly hôn anh Bùi Văn G.

2- Về con chung: Xử giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 08/01/2014 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu A thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Chị N, anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh G thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí LHST: Chị Chu Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002463 ngày 19/10/2020 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh G có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Ấm Hạ;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc